

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 227/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phạm Văn L, sinh năm 1991; nơi cư trú: 4 A, phường K, thành phố Huế.

- Chị Phan Thị Thùy T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm C L, xã Q, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Huế) vào ngày 19/7/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống của vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L có 02 (hai) con chung tên Phạm Văn Anh Q, sinh ngày 06/11/2019 và Phạm Văn Anh Đ, sinh ngày 03/7/2017.

Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L thỏa thuận giao cháu Phạm Văn Anh Q cho chị Phan Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Văn Anh Đ cho anh Phạm Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 19 tháng 5 năm 2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Văn Anh Q, sinh ngày 06/11/2019 cho chị Phan Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Phạm Văn Anh Đ, sinh ngày 03/7/2017 cho anh Phạm Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị Thùy T và anh Phạm Văn L thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị T, anh L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001506 ngày 08/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Huế, thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP-Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- Phòng THADS KV2 - Huế;
- UBND phường K, TP-Huế;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú